

## Những chữ Việt thường viết sai chính tả



### \* **Bàng quan và bàng quang**

**Bàng quan** nghĩa là làm ngơ, đứng ngoài cuộc, xem như không dính líu gì đến mình.  
**Bàng quang** nghĩa là cái bọng đái.

### \* **Biếng nhác và hèn nhát**

Người miền Nam phát âm hai tiếng **nhác** và **nhát** như nhau; nhưng về chính tả thì phải phân biệt:

**Nhác** dùng cho biếng nhác, lười nhác, nhác trông, nhác thấy, nháo nhác, nhớn nhác.

**Nhát** dùng cho hèn nhát, nhát gan, nhát dao, nói nhát gừng.

### \* **Bóc lột và Bốc lột**

**Bóc lột** nghĩa là chiếm đoạt thành quả lao động của người khác (ví dụ: địa chủ bóc lột sức lao động của nông nô thời phong kiến),

Còn viết **bốc lột** là sai chính tả.

### \* **Chia sẻ khác với chia xẻ**

**Chia sẻ** nghĩa là cùng chung chịu khổ đau hoặc cùng chung hưởng sung sướng (chia sẻ vui buồn).

**Chia xẻ** nghĩa là cắt thành nhiều mảnh, làm cho không còn nguyên vẹn (chia xẻ lực lượng) – khác với **chia rẽ** (dấu ngã) nghĩa là gây mâu thuẫn, mất đoàn kết.

### \* **Chiều hay chiu?**

**Chiều** (viết có **ê**) trong mọi trường hợp: chiều chuộng, chiều ý, chiều hướng, ngược chiều, buổi chiều...

Viết **chiu** là vô nghĩa vì không có chữ này trong tự điển tiếng Việt.

### \* **Chửi hay chưởi?**

**Chửi** là chửi rửa hay chửi mắng.

Còn chữ **chưởi** không có trong tự điển tiếng Việt.

### \* **Cúi và cuối**

**Cúi** có nhiều nghĩa:

1. Hạ thấp đầu hoặc thân mình xuống hướng về phía dưới (cúi đầu, cúi khom lưng).
2. Con cúi (nói tắt) tức là dải bông cuốn lại thành sợi hoặc cuộn rơm để giữ mỗi lứa.

Còn **cuối** (có chữ **ô**) nghĩa là sau cùng.

### \* **Dòng không phải going**

**Dòng** có nghĩa là kế tiếp không đứt đoạn như **dòng sông, dòng nước, dòng điện, dòng thơ, dòng họ, dòng dõi, dòng giống v.v...**

Không có chữ **giòng** trong tự điển tiếng Việt.

### \* **Dở và giờ**

**Dở** có nhiều nghĩa:

1. Không hay (dở ẹc).
2. Chưa xong, chưa hoàn thành (dở dang).
3. Không dứt khoát (dở dở ươn ươn, dở khôn dở dại, dở ông dở thằng...).

Còn **giờ** có nghĩa là:

1. Mở ra cái đang gấp xếp hoặc bao gói (giờ sách, giờ gói hàng...)
2. Dùng đến biện pháp không hay để đối phó (giờ trò lừa bịp, giờ giọng, giờ mặt, giờ quẻ...).

### \* **Gác không phải gát**

**Gác** có nhiều nghĩa:

1. Canh gác.
2. Tạm để sang một bên, không nghĩ đến (chuyện đời gác bỏ một bên).
3. Tầng nhà trừ tầng trệt (lầu son gác tía).
4. Đặt ngang lên trên (gác chân).
5. Vật gồm nhiều thanh tre hoặc gỗ xếp khít nhau treo lên cao để xếp đồ vật trong nhà (gác bếp).

Chữ **gát** tuyệt nhiên không có trong tự điển tiếng Việt.

### \* Giành hay dành?

**Giành** là giành giật, tranh giành.

Còn **dành** là dành dụm, để dành.

### \* Giẫm hay dẫm?

**Giẫm** có nghĩa là đặt bàn chân mạnh lên.

Không có chữ **dẫm** trong tự điển tiếng Việt(!?)

(**Ghi chú** của **TVG**: Tự điển **Thanh Nghị**, trang 395 có chữ **dẫm** này:

**DẤM** Xt.

1. *Dọ dẫm, dọ dẫm.*
  2. (*p. requin*) Thường gọi là cá mập.
- DẤM THẨM** tt. (*p. foncé*) Đậm màu.

### \* Giấu giếm hay dấu diếm?

Có hai chữ **dấu**. Một có nghĩa là **yêu** (ví dụ: **yêu dấu**). Chữ kia có nghĩa là **vết** (ví dụ: **dấu vết**).

**Giấu** và **giấu giếm** đều có nghĩa là **cất kín, giữ kín, không cho ai biết** (*Bonet*, 1999:223; *Huỳnh Tịnh Của Paulus*, 1896a:375, *Hội Khai Trí Tiến Đức*, 1931:219).

**Dấu** và **dấu diếm** là **cái dấu, đồ để làm dấu** (*Huỳnh Tịnh Của Paulus*, 1896a: 233)

Hiện nay có nhiều người viết **dấu kín, dấu nhem, che dấu...** là sai chính tả.

### \* Giùm hay dùm?

Tự điển xưa nay chỉ có **giùm**, không có **dùm** nhưng hiện nay trên “Internet,” số trang viết sai chữ này đã nhiều gấp đôi số trang viết đúng.

### \* Góa không phải giá

**Góa** hay **ở góa** là tình trạng của người mất vợ hoặc mất chồng.

**Giá** nghĩa là gả con gái đi lấy chồng (giá thú, xuất giá, tái giá). Dân gian thường gọi người mất vợ hoặc mất chồng là ở **giá hoặc bà giá** thì hoàn toàn không đúng.

### \* Góc và gốc

**Góc** là một phần mặt phẳng giới hạn bởi 2 nửa đường thẳng (góc nhọn, góc bẹt, góc độ, góc học tập, góc biển chân trời...).

**Gốc** là phần dưới cùng của thân cây hoặc là nền tảng, cơ sở (gốc cây, gốc rễ, gốc gác...). Có nhiều người đã nhầm lẫn 2 chữ này cũng như giữa chữ **o** và **ô** ở các trường hợp khác như: **khăn đống** chứ không phải **khăn đống**, **chống mặt** chứ không phải **chống mặt**,

### \* Ín không phải ính

Người miền Nam thường viết theo giọng nói nên mới sai chính tả như **chín** viết thành **chính** (chín chắn), **tín** viết thành **tính** (uy tín), **kín** viết thành **kính** (kín đáo)...v...v... hoặc ngược lại **chính xác** viết thành **chín xác (9 xác)**...

### \* Lát hay lác?

**Lát** (tận cùng bằng **t**) có nhiều nghĩa:

1. Miếng mỏng xắt từ nguyên chiếc (lát gừng, lát thịt...)
2. Một thời gian ngắn (đợi một lát).
3. Đặt và gắn gạch hay ván gỗ thành một mặt phẳng (đường lát gạch, nền nhà lát gỗ...).

**Lác** cũng có nhiều nghĩa:

1. Hắc lào.
2. Lé (con người của mắt lệch về một bên).
3. Cây cói (chiếu lác)
4. Dùng trong **lác đác** nghĩa là thưa thớt, mỗi nơi một ít hoặc thỉnh thoảng mới thấy.

### \* Láu cá không phải láo cá

**Láu cá** nghĩa là ranh ma chứ không có tiếng **láo cá**.

Nhiều người miền Nam thường nhầm lẫn viết **au** thành **ao** hoặc ngược lại.

### \* Lễ lạt hay lễ lạc?

**Lễ lạt** (tận cùng bằng chữ **t**) nghĩa là các cuộc lễ hoặc các thứ lễ vật.

Nhiều người viết **lễ lạc** vì tưởng lễ phải đi với lạc nghĩa là vui (*lạc thú*) là sai chính tả.

### \* Lự không phải lự

Người miền Nam viết theo giọng nói nên viết sai **lục lợi** hoặc con dao bị **lục** thay vì **lật lợi** hoặc con dao bị **lật**.

### \* **Lượ** và **lượ**

**Lượ** nghĩa là **lần** và dùng trong lần lượ, lượ là, lượ mượ lượ thượ.

Còn **lượ** dùng trong nghĩa lọc lấy tinh chất (lượ cà phê), cái lượ chải tóc, giần lượ, sơ lượ, lượ thuật, lượ khảo, sử lượ, sách lượ, chiến lượ...

### \* **May mắn không phải mai mắn**

**May mắn** (tận cùng bằng chữ **y**) nhưng người miền Nam thường hay viết nhầm là **mai mắn**.

### \* **Nửa và nữa khác nhau thế nào?**

Người miền Nam thường gặp nhiều khó khăn khi phải phân biệt hỏi ngã. Cách giải quyết căn bản là dựa vào nghĩa của từ để nhớ mặt chữ: **nửa**, nghĩa là **1/2**, luôn luôn viết với dấu hỏi, còn **nữa** nghĩa là **thêm, hơn, tiếp tục** thì viết với dấu ngã.

Có thể đặt ra mẹo để nhớ: *Gặp phân **nửa** thì đừng viết **ngã nữa**.*

### \* **Quàn** và **quàng**

**Quàn** nghĩa là đặt tạm linh cữu ở một nơi trước khi làm lễ mai táng (nhà quàn).

Còn **quàng** có nhiều nghĩa:

1. Ôm hoặc vòng tay qua cổ hay vai người khác.
2. Mang vật mỏng vào người (quàng khăn, quàng áo mưa...)
3. Vướng mắc khi đang đi (Đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải dây).
4. Bất chấp đúng sai, phải trái (nói quàng nói xiên).

### \* **Sá** hay **xá**?

**Sá** dùng cho đường sá, sá chi, sá kê, sá quán.

Còn **xá** dùng cho ân xá, xá tội, bệnh xá, ký túc xá, xá xí, xá xiu, xá ba xá (= lạy).

### \* **Sáp nhập** không phải **sát nhập**

**Sáp nhập** nghĩa là nhập nhiều tổ chức vào làm một.

Viết **sát nhập** là sai chính tả.

### \* **Se** hay **xe**?

**Se** nghĩa là khô bớt nước trên bề mặt, cũng dùng khi nói về khí trời hơi lạnh (se se lạnh) hoặc se sua (chưng diện làm dáng).

Còn **xe** nghĩa là xoắn kết nhiều sợi nhỏ lại thành một như xe tơ, xe chỉ, xe cói...

### \* Suôn sẻ hay suông sẻ?

**Suôn** nghĩa là thẳng liền một đường (*Nguyễn Kim Thân* 2005:1421). Nói **suôn** là nói trôi chảy, không vấp vấp, khác với nói **suông** là nói mà không làm. Người Bắc phân biệt hai chữ **suôn** và **suông** rất dễ dàng. Người Nam phát âm hai chữ như một và khi không biết mình muốn nói gì thì viết tuốt là **suông** mặc dù từ điển chỉ có **suôn** sẽ chứ không có suông sẽ.

### \* Sử dụng hay xử dụng?

Từ dùng đúng là **sử dụng** nhưng người miền Bắc thường lẫn lộn giữa **s** và **x** nên viết là **xử dụng**.

### \* Tắc và tắt

**Tắc** được dùng trong ách tắc, bế tắc, tắc tị, tắc cống, tắc trách, nguyên tắc, phép tắc, quy tắc, xã tắc, tắc họng, tắc lưỡi,... nhưng **tắt** dùng trong tắt lửa, tắt đèn, tắt hơi, tắt mắt, viết tắt...

### \* Tụt và tuột

**Tụt** có nhiều nghĩa:

1. Lùi lại phía sau (tụt hậu, tụt dép, tụt quần, tụt lại sau hàng quân, tụt dốc... ..).
2. Giảm về số lượng, mức độ (nhiệt độ tụt xuống).
3. Bám vào vật gì rồi tụt buông mình xuống dần dần (tụt từ trên cây xuống).

Còn **tuột** cũng có nhiều nghĩa:

1. Bị rời ra khỏi, không giữ lại được (tuột tay làm rơi bể cai chén).
2. Rời khỏi một cách mau lẹ và dứt khoát (rơi tuột xuống hang).

### \* Tr và Ch

Người miền Bắc lẫn người miền Nam vẫn có người viết sai giữa 2 vần này, ví như **trợn** tình (mối tình trợn vẹn) khác với **chọn tình** (chọn lựa mối tình) hoặc **cạnh tranh** chứ không phải **chanh** chanh v.v...

### \* Uơn và ươn

**Huòn (u-ơ-n)** đọc là hu-ờn có 2 nghĩa: hoàn = trả lại và hoàn = viên tròn (thuốc đông y), nếu viết lộn **hưỡn (u-ơ-n)** thì đọc như 'hường.'

**Hưỡn (u-ơ-n)** đọc là hu-ỡn có 2 nghĩa:

1. Hoãn = chưa làm ngay (hoãn cuộc họp).
2. Rảnh rỗi, nếu viết hưỡn (u-ơ-n) thì đọc như 'hường.'

### \* Xán lạn và sáng lạn

**Xán lạn** nghĩa là sáng sửa, rực rỡ (tương lai xán lạn).

Viết **sáng lạng** là sai chính tả. Có chữ gần giống là **sáng láng** có nghĩa là rất sáng (đôi mắt sáng láng), thông minh (đầu óc sáng láng).

### \* **Xăm và xâm**

**Xăm** có nhiều nghĩa:

1. Dùng mũi nhọn xuyên vào thứ gì (xăm gừng, xăm mút).
2. Dùng kim châm vào người thành một hình vẽ rồi bôi thuốc lên (xăm mình, xăm tay).
3. Quẻ thẻ dùng để xin thần thánh ứng cho biết tương lai (đi xin xăm ở Lăng Ông).

Còn **xâm** cũng có nhiều nghĩa:

1. Lấn sang phạm vi khác (xâm lấn, xâm lăng, xâm canh...).
2. Ở trạng thái bị chóng mặt (bị xâm vì say nắng).

### \* **Xoay xở không phải xoay sở**

**Xoay xở** nghĩa là làm mọi cách để giải quyết được khó khăn. Viết **xoay sở** là viết sai chính tả. Nhiều người, nhất là người miền Bắc, thường hay nhầm lẫn giữa chữ **x** và chữ **s**.

### \* **Xui, xuôi và sui**

**Xui** có nhiều nghĩa:

1. **Xui xẻo**.
2. **Xui khiến** (trời xui đất khiến).
3. Dùng trong **xui bầy, xui đại, xui giục** (xui bầy, xúi đại, xúi giục).

Còn **xuôi** có nghĩa là:

1. Trái với ngược (xuôi dòng nước).
2. Suôn sẻ, thuận lợi (việc gì cũng xuôi cả).

Và **sui** tức là **sui gia** có nghĩa là gia đình của dâu hoặc rể mình. Có nhiều người nói và viết nhầm là **xui gia, anh xui, chị xui...** (vậy là gia đình này xui xẻo rồi!).

### **Phan Lục (st)**

*Trần Văn Giang (ghi lại)*

